ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGHI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

DANH SÁCH
Đối tượng hưởng trợ cấp xã hội theo Nghị định 176/2025/NĐ-CP

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ (thôn)	Hệ số	Thành tiền (Mức chuẩn 500.000đ x hệ số)
I	**Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên**			1	**424.200.000**
1	Bùi Thị Lụa	07/4/1940	Thôn 4	1,00	700.000
2	Bùi Thị Mùa	20/10/1942	Thôn 5	1,00	700.000
3	Cao Thị Dâu	01/01/1938	Thôn 4	1,00	700.000
4	Cao Thị My	28/10/1939	Thôn 3	1,00	700.000
5	Cao Thị Nga	06/06/1934	Thôn 4	1,00	700.000
6	Cao Thị Nhắt	01/07/1931	Thôn 4	1,00	700.000
7	Cao Văn Trất	06/6/1939	Thôn 4	1,00	700.000
8	Đào Thị Yên	01/01/1923	Thôn 5	1,00	700.000
9	Đồng Thị Phâu	01/01/1924	Thôn 3	1,00	700.000
10	Đào Văn Hốt	01/01/1937	Thôn 1	1,00	700.000
11	Đào Thị Suốt	10/02/1942	Thôn 4	1,00	700.000
12	Hoàng Ngọc Ban	10/10/1937	Thôn 5	1,00	700.000
13	Hoàng Ngọc Toàn	01/5/1942	Thôn 5	1,00	700.000
14	Lương Thị Ghi	10/03/1940	Thôn 4	1,00	700.000
15	Nguyễn Duy Dương	20/05/1934	Thôn 3	1,00	700.000
16	Nguyễn Thị Ợt	10/06/1930	Thôn 3	1,00	700.000
17	Nguyễn Thị Tý	01/01/1935	Thôn 4	1,00	700.000
18	Nguyễn Đình Ngũ	01/01/1931	Thôn 3	1,00	700.000
19	Nguyễn Thị Chận	08/03/1936	Thôn 3	1,00	700.000
20	Nguyễn Thị Chuột	10/08/1935	Thôn 4	1,00	700.000
21	Nguyễn Thị Khể	10/05/1927	Thôn 4	1,00	700.000
22	Nguyễn Thị Kền	01/01/1932	Thôn 3	1,00	700.000
23	Nguyễn Thị Nông	12/01/1932	Thôn 2	1,00	700.000
24	Nguyễn Thị Ngan	08/06/1924	Thôn 4	1,00	700.000
25	Nguyễn Thị Thanh	01/01/1935	Thôn 3	1,00	700.000
26	Nguyễn Thị Nhất	01/01/1938	Thôn 3	1,00	700.000
27	Nguyễn Thị Tẽo	01/01/1926	Thôn 3	1,00	700.000
28	Nguyễn Đức Nhung	12/05/1934	Thôn 3	1,00	700.000
29	Nguyễn Thị Phác	01/01/1937	Thôn 5	1,00	700.000
30	Nguyễn Thị Ngát	01/01/1938	Thôn 2	1,00	700.000
31	Nguyễn Đình Nga	27/04/1938	Thôn 2	1,00	700.000
32	Nguyễn Thị Triệu	06/05/1939	Thôn 4	1,00	700.000
33	Nguyễn Thị Miên	01/01/1941	Thôn 2	1,00	700.000
34	Nguyễn Thị Rảng	08/03/1941	Thôn 4	1,00	700.000
35	Nguyễn Thị Phèn	01/01/1941	Thôn 5	1,00	700.000
36	Nguyễn Duy Khuể	01/06/1937	Thôn 3	1,00	700.000
37	Nguyễn Thị Kiêm	08/3/1940	Thôn 3	1,00	700.000
38	Nguyễn Khắc Vì	01/01/1937	Thôn 1	1,00	700.000
39	Phạm Hữu Liêu	11758	Thôn 4	1,00	700.000
40	Phạm Hữu Phả	04/04/1936	Thôn 3	1,00	700.000
41	Phạm Thị Bồi	06/08/1927	Thôn 4	1,00	700.000
42	Phạm Thị Chẩy	10/10/1938	Thôn 5	1,00	700.000
43	Phạm Thị Hoẽn	01/01/1921	Thôn 4	1,00	700.000
44	Phạm Thị Hựu	01/01/1930	Thôn 3	1,00	700.000
45	Phạm Thị Sót	01/01/1933	Thôn 2	1,00	700.000
46	Phạm Tiến Chi	14/04/1932	Thôn 3	1,00	700.000
47	Phạm Tiến Thuật	01/05/1935	Thôn 3	1,00	700.000
48	Phạm Duy Phi	08/10/1936	Thôn 4	1,00	700.000
49	Phạm Hữu Phê	01/05/1922	Thôn 4	1,00	700.000
50	Phạm Thị Hoan	01/10/1936	Thôn 5	1,00	700.000
51	Phạm Thị Uý	19/04/1905	Thôn 4	1,00	700.000
52	Phạm Hữu Phong	18/09/1939	Thôn 4	1,00	700.000

53	Phạm Hữu Tiến	19/09/1939	Thôn 2	1,00	700.000
54	Phạm Thị Tâm	01/01/1938	Thôn 1	1,00	700.000
55	Phạm Thị Ê	01/01/1941	Thôn 4	1,00	700.000
56	Phạm Thị My	01/01/1940	Thôn 1	1,00	700.000
57	Phạm Thị Nhạt	13/06/1940	Thôn 3	1,00	700.000
58	Phạm Thị Cười	08/07/1941	Thôn 4	1,00	700.000
59	Phạm Thị Hòa	24/8/1942	Thôn 3	1,00	700.000
60	Phạm Văn Minh	01/10/1942	Thôn 3	1,00	700.000
61	Phạm Thị Qúy	17/06/1940	Thôn 4	1,00	700.000
62	Tăng Thị Mối	05/10/1923	Thôn 3	1,00	700.000
63	Tăng Xuân Bưu	05/05/1935	Thôn 5	1,00	700.000
64	Tăng Thị Nhẫm	12/12/1932	Thôn 4	1,00	700.000
65	Tăng Thị Cảo	10/06/1936	Thôn 4	1,00	700.000
66	Tăng Xuân Quang	27/01/1937	Thôn 3	1,00	700.000
67	Tăng Xuân Tần	01/01/1937	Thôn 5	1,00	700.000
68	Trần Thị Sâm	10/07/1932	Thôn 4	1,00	700.000
69	Trịnh Thị Tre	01/01/1933	Thôn 2	1,00	700.000
70	Vũ Thị Thuận	01/08/1932	Thôn 1	1,00	700.000
71	Nguyễn Duy Thấu	10/01/1944	Thôn 3	1,00	700.000
72	Tăng Thị Biêm	28/2/1941	Thôn 5	1,00	700.000
73	Phạm Thị Ý	02/05/1943	Thôn 3	1,00	700.000
74	Phạm Văn Điền	02/02/1944	Thôn 3	1,00	700.000
75	Đỗ Thị Tọ	01/01/1926	Thôn 3	1,00	700.000
76	Phạm Duy Duyên	20/01/1944	Thôn 5	1,00	700.000
77	Phạm Thị Tri	01/01/1944	Thôn 3	1,00	700.000
78	Phạm Thị Đảm	04/06/1944	Thôn 3	1,00	700.000
79	Phạm Thị Sửu	01/01/1936	Thôn 4	1,00	700.000
80	Phạm Thị Thoa	01/01/1944	Thôn 3	1,00	700.000
81	Cao Thị Bốn	01/01/1945	Thôn 3	1,00	700.000
82	Nguyễn Quang Vinh	10/05/1945	Thôn 2	1,00	700.000
83	Đỗ Thị Tim	20/10/1942	KQ	1,00	700.000
84	Bùi Thị Xìu	01/01/1939	KQ	1,00	700.000
85	Dương Văn Vổ	02/03/1931	KQ	1,00	700.000
86	Đào Thị Bề	10/10/1935	KQ	1,00	700.000
87	Đào Thị Chón	08/01/1935	KQ	1,00	700.000
88	Đào Thị Én	15/09/1932	KQ	1,00	700.000
89	Đào Thị Mọn	01/01/1939	KQ	1,00	700.000
90	Đào Thị Nhung	18/06/1943	KQ	1,00	700.000
91	Đào Thị Y	01/01/1937	KQ	1,00	700.000
92	Đào Xuân Đan	01/01/1941	KQ	1,00	700.000
93	Đào Xuân Tuấn	06/07/1943	KQ	1,00	700.000
94	Đào Xuân Vở	01/01/1944	KQ	1,00	700.000
95	Đỗ Thị Hạnh	18/06/1937	KQ	1,00	700.000
96	Đỗ Thị Khiên	06/02/1933	KQ	1,00	700.000
97	Đỗ Thị Lựu	22/03/1943	KQ	1,00	700.000
98	Đỗ Thị Mủi	20/06/1942	KQ	1,00	700.000
99	Đỗ Thị Nhỡ	01/01/1932	KQ	1,00	700.000
100	Đỗ Thị Nhứ	24/07/1940	KQ	1,00	700.000
101	Đỗ Thị Rắng	10/04/1937	KQ	1,00	700.000
102	Đỗ Thị Tý	01/01/1938	KQ	1,00	700.000
103	Hoàng Hải Ninh	02/07/1932	KQ	1,00	700.000
104	Hoàng Thị Hiếu	01/01/1932	KQ	1,00	700.000
105	Hoàng Thị Thướng	09/01/1935	KQ	1,00	700.000
106	Nguyễn Danh Chín	02/02/1939	KQ	1,00	700.000
107	Nguyễn Sỹ Chiêu	01/01/1940	KQ	1,00	700.000
108	Nguyễn Sỹ Sảng	01/01/1939	KQ	1,00	700.000
109	Nguyễn Sỹ Tịch	01/01/1941	KQ	1,00	700.000
110	Nguyễn Thị Ái	01/01/1940	KQ	1,00	700.000
111	Nguyễn Thị Bén	10/06/1935	KQ	1,00	700.000
112	Nguyễn Thị Dần	01/01/1941	KQ	1,00	700.000
113	Nguyễn Thị Ếch	01/10/1938	KQ	1,00	700.000
114	Nguyễn Thị Gạn	01/01/1940	KQ	1,00	700.000
115	Nguyễn Thị Huyên	01/01/1942	KQ	1,00	700.000
116	Nguyễn Thị My	01/01/1928	KQ	1,00	700.000

117	Nguyễn Thị Nhiên	16/03/1937	KQ	1,00	700.000
118	Nguyễn Thị Nhu	01/01/1934	KQ	1,00	700.000
119	Nguyễn Thị Phiến	21/10/1941	KQ	1,00	700.000
120	Nguyễn Thị Tiền	01/02/1944	KQ	1,00	700.000
121	Nguyễn Thị Tỉm	01/01/1929	KQ	1,00	700.000
122	Nguyễn Thị Tơ	04/05/1929	KQ	1,00	700.000
123	Nguyễn Thị Thuần	01/01/1942	KQ	1,00	700.000
124	Nguyễn Thị Thuận	07/06/1938	KQ	1,00	700.000
125	Phạm Thị Cùi	01/01/1936	KQ	1,00	700.000
126	Nguyễn Thị Chín	15/06/194	KQ	1,00	700.000
127	Phạm Thị Đanh	01/01/1942	KQ	1,00	700.000
128	Phạm Thị Lừng	01/01/1939	KQ	1,00	700.000
129	Phạm Thị Ngoày	10/10/1930	KQ	1,00	700.000
130	Phạm Thị Phỏng	06/07/1936	KQ	1,00	700.000
131	Vũ Thị Co	01/01/1931	KQ	1,00	700.000
132	Vũ Thị Hênh	07/05/1935	KQ	1,00	700.000
133	Vũ Thị May	01/01/1940	KQ	1,00	700.000
134	Vũ Thị Op	01/01/1941	KQ	1,00	700.000
135	Vũ Thị Tứ	01/01/1938	KQ	1,00	700.000
136	Vũ Thị Thùy	10/08/1940	KQ	1,00	700.000
137	Vũ Thị Vị	20/07/1943	KQ	1,00	700.000
138	Đào Thị Gái	01/01/1931	KQ	1,00	700.000
139	Đào Thị Hệ	14/05/1943	KQ	1,00	700.000
140	Đào Thị Mận	04/08/1937	KQ	1,00	700.000
141	Nguyễn Thị Nghị	07/02/1932	KQ	1,00	700.000
142	Vũ Hữu Bong	01/01/1940	KQ	1,00	700.000
143	Đào Thị Nghị	10/01/1931	KQ	1,00	700.000
144	Đào Thị Ngồm	01/01/1940	KQ	1,00	700.000
145	Đào Văn Cồn	05/01/1933	KQ	1,00	700.000
146	Đào Văn Thiệp	01/01/1942	KQ	1,00	700.000
147	Đào Xuân Dưỡng	02/12/1938	KQ	1,00	700.000
148	Nguyễn Sỹ Tâng	01/05/1944	KQ	1,00	700.000
149	Nguyễn Sỹ Thứ	16/07/1944	KQ	1,00	700.000
150	Nguyễn Thị Cớn	18/03/1942	KQ	1,00	700.000
151	Nguyễn Thị Lợi	05/05/1935	KQ	1,00	700.000
152	Nguyễn Sỹ Chơ		KQ	1,00	700.000
153	Đào Thị Thắm	01/01/1941	KQ	1,00	700.000
154	Đào Thị Chọ	01/12/1930	KQ	1,00	700.000
155	Vũ Hữu Ẩm	23/05/1928	KQ	1,00	700.000
156	Nguyễn Thị Bi	03/10/1938	KQ	1,00	700.000
157	Đào Xuân Hiển	06/12/1943	KQ	1,00	700.000
158	Đào Xuân Nho	01/01/1938	KQ	1,00	700.000
159	Đỗ Thị Phương	18/01/1943	KQ	1,00	700.000
160	Nguyễn Đình Hưu	01/01/1940	KQ	1,00	700.000
161	Nguyễn Sĩ Hai	04/01/1943	KQ	1,00	700.000
162	Đào Xuân Thái	14/04/1942	KQ	1,00	700.000
163	Nguyễn Sỹ Giang	05/01/1943	KQ	1,00	700.000
164	Nguyễn Sỹ Thứ	01/01/1942	KQ	1,00	700.000
165	Nguyễn Thị Bầy	01/01/1943	KQ	1,00	700.000
166	Đào Thị Bốn	01/01/1927	KQ	1,00	700.000
167	Nguyễn Thị Như	01/01/1929	KQ	1,00	700.000
168	Phạm Thị Luyến	10/10/1943	KQ	1,00	700.000
169	Phạm Thị Nghị	01/01/1939	KQ	1,00	700.000
170	Phạm Thị Quýnh	20/01/1943	KQ	1,00	700.000
171	Vũ Thị Nghí	01/01/1937	KQ	1,00	700.000
172	Đỗ Thị Ngôm	03/04/1940	KQ	1,00	700.000
173	Hoàng Thị Hiền	01/01/1940	KQ	1,00	700.000
174	Bùi Thị Đó	10/05/1930	KQ	1,00	700.000
175	Phạm Năng Hồi	01/01/1944	KQ	1,00	700.000
176	Phạm Thị Chín	01/01/1939	KQ	1,00	700.000
177	Nguyễn Thị Bần	01/01/1938	KQ	1,00	700.000
178	Đỗ Danh Hút	01/01/1938	KQ	1,00	700.000
179	Nguyễn Sĩ Kiên	09/08/1939	KQ	1,00	700.000
180	Phạm Thị Nhật	01/01/1940	KQ	1,00	700.000

181	Nguyễn Thị Tứ	10/05/1943	KQ	1,00	700.000
182	Đào Thị Thỉnh		KQ	1,00	700.000
183	Đào Thị Nên	21/09/1943	KQ	1,00	700.000
184	Đào Xuân Hãng	01/01/1935	KQ	1,00	700.000
185	Phạm Thị Phương	01/01/1936	KQ	1,00	700.000
186	Nguyễn Thị Gạn	05/07/1933	KQ	1,00	700.000
187	Vũ Thị Tim	08/08/1939	KQ	1,00	700.000
188	Phạm Thị Làu	01/01/1932	KQ	1,00	700.000
189	Nguyễn Thị Thê	01/01/1942	KQ	1,00	700.000
190	Đỗ Danh Thọ	19/06/1934	KQ	1,00	700.000
191	Nguyễn Sĩ Quynh	16/08/1940	KQ	1,00	700.000
192	Nguyễn Đình Dung	04/05/1932	KQ	1,00	700.000
193	Đỗ Danh Lùn	01/01/1937	KQ	1,00	700.000
194	Nguyễn Thị Tôm	20/10/1933	KQ	1,00	700.000
195	Nguyễn Thị Tư	01/01/1937	KQ	1,00	700.000
196	Vũ Thị Khỏe	06/12/1934	KQ	1,00	700.000
197	Đào Thị Nhận	01/01/1926	KQ	1,00	700.000
198	Phạm Thị Mè	10/01/1930	KQ	1,00	700.000
199	Phạm Thị Nhật	01/01/1940	KQ	1,00	700.000
200	Đỗ Thị Toan	01/01/1932	KQ	1,00	700.000
201	Lương Thị Tâm	01/01/1937	KQ	1,00	700.000
202	Đỗ Thị Mý	25/06/1930	KQ	1,00	700.000
203	Nguyễn Thị Đệ	01/01/1935	KQ	1,00	700.000
204	Nguyễn Sĩ Hồng	12/08/1944	KQ	1,00	700.000
205	Nguyễn Đình Nguyễn	03/10/1944	KQ	1,00	700.000
206	Đỗ Thị Cường	02/08/1944	KQ	1,00	700.000
207	Nguyễn Thị Mĩn	15/10/1944	KQ	1,00	700.000
208	Phạm Thị Nhá	01/07/1942	KQ	1,00	700.000
209	Đào Thị Ty	01/01/1945	KQ	1,00	700.000
210	Đào Thị Thước	06/01/1934	Xuân Đông	1,00	700.000
211	Đỗ Thị Viên	01/02/1926	Xuân Chiếng	1,00	700.000
212	Nguyễn Đăng Ve	23/04/1937	Nghi dương	1,00	700.000
213	Nguyễn Thị Khiếm	07/05/1937	Xuân Đông	1,00	700.000
214	Hồ Thị Vải	02/08/1937	Xuân Chiếng	1,00	700.000
215	Bùi Thị Truy	01/01/1927	Xuân Chiếng	1,00	700.000
216	Bùi Thị Thư	01/01/1933	Xuân Chiếng	1,00	700.000
217	Bùi Thị Ty	01/01/1932	Xuân Chiếng	1,00	700.000
218	Cao Thị Khắp	01/06/1930	Xuân Đông	1,00	700.000
219	Đặng Thị Xu©n	12/03/1928	Mai Dương	1,00	700.000
220	Đoụn Thị Chuyền	01/01/1930	Nghi dương	1,00	700.000
221	Kiều Thị Dài	01/01/1930	Mai Dương	1,00	700.000
222	Lương Thị Bé	01/07/1933	Xuân Đông	1,00	700.000
223	Nguyễn Thị Lan	10/12/1941	Xuân Chiếng	1,00	700.000
224	Nguyễn Danh Quyện	01/03/1940	Xuân Đoài	1,00	700.000
225	Trịnh Thị Thịnh	01/03/1940	Nghi Dương	1,00	700.000
226	Đào Thị Luỗi	10/10/1935	Xuân Đông	1,00	700.000
227	Ngô Thị Hòa	01/01/1930	Xuân Chiếng	1,00	700.000
228	Nguyễn Thị An	01/01/1936	Xuân Chiếng	1,00	700.000
229	Nguyễn Thị Hoàn	01/01/1936	Xuân Chiếng	1,00	700.000
230	Nguyễn Thị Hường	20/06/1928	Xuân Đông	1,00	700.000
231	Nguyễn Thị Lanh	20/03/1936	Xuân Đông	1,00	700.000
232	Nguyễn Thị Liền	01/01/1931	Xuân Đoài	1,00	700.000
233	Nguyễn Thị Thặm	12/04/1929	Nghi dương	1,00	700.000
234	Nguyễn Thị Thi	15/05/1928	Mai Dương	1,00	700.000
235	Nguyễn Thị Thữa	01/01/1931	Xuân Đoài	1,00	700.000
236	Nguyễn Thị Trầm	01/01/1936	Mai Dương	1,00	700.000
237	Nguyễn Trung Thập	20/05/1936	Nghi dương	1,00	700.000
238	Nguyễn Hữu Bám	01/05/1933	Xuân Đông	1,00	700.000
239	Nguyễn Thị Gái	01/01/1931	Xuân Đông	1,00	700.000
240	Nguyễn Thị Đa	01/01/1934	Xuân Đoài	1,00	700.000
241	Nguyễn Thị Chiếng	01/01/1932	Xuân Chiếng	1,00	700.000
242	Nguyễn Thị Kiếng	01/01/1933	Xuân Chiếng	1,00	700.000
243	Nguyễn Thị Rảo	01/05/1934	Mai Dương	1,00	700.000
244	Nguyễn Thị Tiến	10/10/1936	Xuân Đông	1,00	700.000

245	Nguyễn Thị Thoán	02/07/1930	Mai Dương	1,00	700.000
246	Nguyễn Thị Thẽn	07/05/1935	Mai Dương	1,00	700.000
247	Nguyễn Thị Thuân	05/09/1933	Xuân Đoài	1,00	700.000
248	Phạm Thị Lọ	17/09/1936	Mai Dương	1,00	700.000
249	Phạm Đức Chung	01/01/1935	Xuân Đông	1,00	700.000
250	Phạm Thị Bến	10/10/1933	Xuân Đông	1,00	700.000
251	Phạm Thị Hảo	07/08/1920	Xuân Đoài	1,00	700.000
252	Phạm Thị Lề	10/02/1933	Xuân Đoài	1,00	700.000
253	Phạm Thị Mít	01/10/1934	Xuân Đông	1,00	700.000
254	Phạm Thị Kiệt	01/01/1931	Xuân Đông	1,00	700.000
255	Phạm Thị Thoan	02/07/1930	Nghi Dương	1,00	700.000
256	Phạm Thị Luy	02/01/1933	Xuân Đông	1,00	700.000
257	Phạm Thị Nhiễu	04/01/1935	Mai Dương	1,00	700.000
258	Phạm Thị Nhỡ	10/10/1935	Xuân Đông	1,00	700.000
259	Trần Thị Qúy	01/01/1927	Xuân Đông	1,00	700.000
260	Trịnh Thị Mến	01/04/1932	Mai Dương	1,00	700.000
261	Vũ Thị Nhã	10/10/1932	Xuân Đoài	1,00	700.000
262	Nguyễn Thị Chính	01/01/1938	Nghi dương	1,00	700.000
263	Trần Đăng Thoát	01/01/1938	Xuân Chiếng	1,00	700.000
264	Nguyễn Hữu Trạnh	01/01/1938	Xuân Đông	1,00	700.000
265	Nguyễn Thị Duân	01/01/1938	Xuân Đông	1,00	700.000
266	Ngô Thị Mỵ	07/01/1938	Xuân Chiếng	1,00	700.000
267	Vũ Văn Trầm	01/10/1933	Nghi dương	1,00	700.000
268	Lương Thị Khiển	01/10/1938	Xuân Đông	1,00	700.000
269	Lý Thị Phường	01/10/1938	Xuân Đông	1,00	700.000
270	Nguyễn Thị Én	08/03/1939	Xuân Đông	1,00	700.000
271	Nguyễn Thị Nhận	05/10/1938	Mai Dương	1,00	700.000
272	Đinh Thị Xa	20/01/1939	Xuân Đông	1,00	700.000
273	Bùi Thị Đám	01/01/1939	Xuân Đông	1,00	700.000
274	Phạm Thị Sừng	01/01/1940	Xuân Đoài	1,00	700.000
275	Nguyễn Thị Phần	01/01/1940	Xuân Đoài	1,00	700.000
276	Nguyễn Thị Mùi	01/01/1940	Xuân Chiếng	1,00	700.000
277	Phạm Đức Hanh	01/05/1938	Xuân Đông	1,00	700.000
278	Nguyễn Danh Điểm	10/06/1938	Xuân Đoài	1,00	700.000
279	Kiều Thị Hoành	20/04/1939	Mai Dương	1,00	700.000
280	Nguyễn Quang Lăng	19/02/1937	Xuân Đoài	1,00	700.000
281	Đào Thị Ngái	01/01/1925	Xuân Chiếng	1,00	700.000
282	Trần Thị Tịnh	01/01/1931	Xuân Chiếng	1,00	700.000
283	Mai Thị Liêm	17/04/1944	Mai Dương	1,00	700.000
284	Phạm Đức Sùng	25/10/1932	Xuân Đông	1,00	700.000
285	Lương Thị Khi	01/01/1930	Xuân Đoài	1,00	700.000
286	Nguyễn Xuân Cà	01/05/1940	Xuân Đông	1,00	700.000
287	Lương Văn Hoa	12/12/1940	Xuân Đông	1,00	700.000
288	Phạm Đức Kin	11/12/1940	Xuân Đông	1,00	700.000
289	Nguyễn Trọng Đắc	01/01/1941	Xuân Chiếng	1,00	700.000
290	Bùi Thị Ốc	01/01/1941	Xuân Chiếng	1,00	700.000
291	Nguyễn Sỹ Được	01/04/1941	Xuân Chiếng	1,00	700.000
292	Nguyễn Thị Đàn	01/01/1941	Nghi dương	1,00	700.000
293	Nguyễn Văn Năng	10/10/1940	Nghi dương	1,00	700.000
294	Phạm Đức Tề	01/05/1941	Xuân Đông	1,00	700.000
295	Phạm Thị Miền	25/05/1941	Xuân Đông	1,00	700.000
296	Nguyễn Đình Trọng	20/04/1939	Mai Dương	1,00	700.000
297	Nguyễn Thị Tuyền	01/01/1942	Xuân Chiếng	1,00	700.000
298	Bùi Thị Đam	01/01/1942	Xuân Chiếng	1,00	700.000
299	Đinh Thị Hồi	01/01/1942	Xuân Chiếng	1,00	700.000
300	Đào Thị Đan	23/04/1905	Xuân Đông	1,00	700.000
301	Lã Đắc Phồn	03/03/1942	Xuân Chiếng	1,00	700.000
302	Nguyễn Thị Lần	12/04/1942	Xuân Chiếng	1,00	700.000
303	Phạm Đức Thướng	10/10/1942	Xuân Đông	1,00	700.000
304	Hồ Thị Nhẹn	11/12/1942	Xuân Đoài	1,00	700.000
305	Phạm Thị Khiện	01/02/1941	Xuân Chiếng	1,00	700.000
306	Bùi Đức Kiên	02/04/1943	Xuân Chiếng	1,00	700.000
307	Nguyễn Đình Liên	09/10/1943	Nghi Dương	1,00	700.000
308	Nguyễn Quốc Thịnh	12/12/1943	Mai Dương	1,00	700.000

309	Nguyễn Thị Lãng	01/02/1944	Nghi Dương	1,00	700.000
310	Phạm Thị Phố	07/01/1941	Xuân Đoài	1,00	700.000
311	Phạm Thị Bé	10/10/1939	Xuân Đoài	1,00	700.000
312	Nguyễn Thị Trợ	10/10/1944	Mai Dương	1,00	700.000
313	Nguyễn Thị Bọt	01/01/1945	Xuân Chiếng	1,00	700.000
314	Vũ Thị Thắng	01/01/1945	Xuân Chiếng	1,00	700.000
315	Nguyễn Danh Tư	20/04/1945	Xuân Chiếng	1,00	700.000
316	Nguyễn Quang Phụng	10/05/1945	Xuân Đoài	1,00	700.000
317	Phạm Đức Hùng	06/05/1945	Xuân Đoài	1,00	700.000
318	Nguyễn Thị Tản	06/11/1947	Xuân Chiếng	1,00	700.000
319	Nguyễn Thị Nhàn	01/01/1947	Xuân Chiếng	1,00	700.000
320	Cao Thị Xy	01/01/1948	Xuân Chiếng	1,00	700.000
321	Lý Quốc Bảo	20/05/1950	Xuân Chiếng	1,00	700.000
322	Nguyễn Thị Huê	01/01/1950	Xuân Chiếng	1,00	700.000
323	Nguyễn Danh Biên	22/04/1947	Xuân Chiếng	1,00	700.000
324	Vũ Văn Bình	10/07/1949	Xuân Chiếng	1,00	700.000
325	Nguyễn Thị Nga	01/01/1949	Xuân Chiếng	1,00	700.000
326	Nguyễn Thị Huyền	01/05/1949	Xuân Chiếng	1,00	700.000
327	Nguyễn Danh Thu	05/05/1949	Xuân Chiếng	1,00	700.000
328	Lý Thị Vính	01/01/1949	Xuân Chiếng	1,00	700.000
329	Lê Thị Thắm	01/01/1949	Xuân Chiếng	1,00	700.000
330	Nguyễn Thị Nhì	15/02/1949	Xuân Chiếng	1,00	700.000
331	Trần Bá Rõi	05/12/1949	Xuân Chiếng	1,00	700.000
332	Đỗ Như Chiềng	08/02/1949	Xuân Chiếng	1,00	700.000
333	Lương Phú Duy	20/04/1950	Xuân Chiếng	1,00	700.000
334	Nguyễn Thị Tươi	01/10/1946	Xuân Đông	1,00	700.000
335	Phạm Đức Khoát	01/01/1950	Xuân Đông	1,00	700.000
336	Ngô Thị Khiên	13/04/1950	Xuân Đông	1,00	700.000
337	Nguyễn Thị Vui	09/02/1950	Xuân Đông	1,00	700.000
338	Phạm Thị Lự	01/01/1950	Xuân Đông	1,00	700.000
339	Nguyễn Thị Lựa	10/09/1947	Xuân Đông	1,00	700.000
340	Phạm Đức Quý	01/05/1947	Xuân Đông	1,00	700.000
341	Phạm Thị Thảnh	10/10/1948	Xuân Đông	1,00	700.000
342	Đinh Thị Huề	12/08/1948	Xuân Đông	1,00	700.000
343	Đinh Huy Cận	03/04/1949	Xuân Đông	1,00	700.000
344	Nguyễn Tiến Mè	28/08/1949	Xuân Đoài	1,00	700.000
345	Nguyễn Danh Ưu	10/01/1949	Xuân Đoài	1,00	700.000
346	Nguyễn Thị Ngàn	02/06/1949	Xuân Đoài	1,00	700.000
347	Nguyễn Thị Đang	10/05/1949	Xuân Đoài	1,00	700.000
348	Nguyễn Danh Hanh	25/8/1949	Xuân Đoài	1,00	700.000
349	Nguyễn Thị The	02/05/1947	Xuân Đoài	1,00	700.000
350	Lã Thị Nhừ	20/03/1948	Xuân Đoài	1,00	700.000
351	Vũ Thị Mì	12/04/1947	Nghi Dương	1,00	700.000
352	Nguyễn Thị Lưỡng	01/01/1949	Nghi Dương	1,00	700.000
353	Nguyễn Thị Nhỉnh	01/09/1949	Nghi Dương	1,00	700.000
354	Nguyễn Đăng Chung	10/05/1948	Nghi Dương	1,00	700.000
355	Vũ Thị Xuân	01/01/1948	Nghi Dương	1,00	700.000
356	Nguyễn Thị Chương	03/09/1949	Nghi Dương	1,00	700.000
357	Đào Thị Đước	08/3/1950	Nghi Dương	1,00	700.000
358	Phạm Đình Vang	20/04/1949	Mai Dương	1,00	700.000
359	Phùng Thị Vui	01/01/1949	Mai Dương	1,00	700.000
360	Đào Thị Mùi	05/05/1948	Mai Dương	1,00	700.000
361	Phạm Thị Thiến	10/02/1948	Mai Dương	1,00	700.000
362	Nguyễn Đức Lưỡng	20/7/1947	Thôn 1	1,00	700.000
363	Vũ Thị Kỹ	11/03/1949	Thôn 1	1,00	700.000
364	Đỗ Đại Thoa	15/06/1949	Thôn 1	1,00	700.000

365	Phạm Hùng Thắng	01/01/1946	Thôn 1	1,00	700.000
366	Đỗ Thị Thinh	10/8/1946	Thôn 1	1,00	700.000
367	Đỗ Thị Mên	01/01/1947	Thôn 1	1,00	700.000
368	Nguyễn Thị Láng	12/02/1946	Thôn 1	1,00	700.000
369	Đỗ Thị Ngổm	08/12/1947	Thôn 1	1,00	700.000
370	Nguyễn Thị Hiệng	02/4/1948	Thôn 1	1,00	700.000
371	Đào Thị Lúng	10/7/1948	Thôn 1	1,00	700.000
372	Đào Xuân Yêng	10/01/1948	Thôn 1	1,00	700.000
373	Vũ Thị Lẩm	16/8/1948	Thôn 1	1,00	700.000
374	Đỗ Văn Dũng	02/02/1950	Thôn 1	1,00	700.000
375	Nguyễn Đình Nội	08/04/1947	Thôn 1	1,00	700.000
376	Nguyễn Thị Ngái	08/6/1947	Thôn 1	1,00	700.000
377	Đỗ Thị Sửu	01/10/1946	Thôn 1	1,00	700.000
378	Phạm Thị Thành	10/9/1945	Thôn 1	1,00	700.000
379	Đào Thị Phơ	08/10/1945	Thôn 1	1,00	700.000
380	Đào Thị Luyến	20/3/1946	Thôn 2	1,00	700.000
381	Nguyễn Hồng Vỹ	10/8/1946	Thôn 2	1,00	700.000
382	Vũ Hữu Bắc	15/10/1945	Thôn 2	1,00	700.000
383	Nguyễn Thị Phường	03/8/1949	Thôn 2	1,00	700.000
384	Đào Thị Chuộm	20/7/1947	Thôn 2	1,00	700.000
385	Nguyễn Thị Non	13/5/1948	Thôn 2	1,00	700.000
386	Đỗ Thị Mịn	01/01/1947	Thôn 2	1,00	700.000
387	Vũ Thị Tỉnh	01/01/1950	Thôn 2	1,00	700.000
388	Đào Thị Lý	01/01/1947	Thôn 2	1,00	700.000
389	Vũ Thị Ái	04/8/1947	Thôn 2	1,00	700.000
390	Nguyễn Thị Thái	27/12/1948	Thôn 2	1,00	700.000
391	Đào Xuân Lự	08/02/1948	Thôn 2	1,00	700.000
392	Vũ Thị Biên	04/9/1949	Thôn 2	1,00	700.000
393	Đỗ Thị Đào	18/8/1949	Thôn 2	1,00	700.000
394	Đào Thị Phin	02/10/1947	Thôn 2	1,00	700.000
395	Nguyễn Thị Cạ	15/4/1950	Thôn 2	1,00	700.000
396	Phạm Thị Diến	15/05/1949	Thôn 3	1,00	700.000
397	Lý Thị Ngạn	01/01/1949	Thôn 3	1,00	700.000
398	Nguyễn Thị Đảnh	01/01/1947	Thôn 3	1,00	700.000
399	Nguyễn Thị Thước	06/6/1948	Thôn 3	1,00	700.000
400	Nguyễn Thị Xoan	20/8/1948	Thôn 3	1,00	700.000
401	Nguyễn Thị Thông	03/2/1950	Thôn 3	1,00	700.000
402	Đào Thị Nhinh	01/01/1947	Thôn 3	1,00	700.000
403	Nguyễn Văn Ba	01/01/1949	Thôn 3	1,00	700.000
404	Phạm Thị Vinh	15/02/1950	Thôn 3	1,00	700.000
405	Nguyễn Thị Thuấn	01/01/1947	Thôn 3	1,00	700.000
406	Lê Thị Luốn	10/11/1948	Thôn 3	1,00	700.000
407	Đỗ Danh Bảo	12/8/1949	Thôn 3	1,00	700.000
408	Đào Thị Mín	01/01/1950	Thôn 3	1,00	700.000
409	Đỗ Thị Nhỡ	18/03/1946	Thôn 4	1,00	700.000
410	Phạm Thị Giới	30/8/1949	Thôn 4	1,00	700.000
411	Nguyễn Thị Ven	01/01/1949	Thôn 4	1,00	700.000
412	Đào Thị Chầm	15/6/1947	Thôn 4	1,00	700.000
413	Phạm Thị Hánh	13/7/1947	Thôn 4	1,00	700.000
414	Nguyễn Thị Bí	23/7/1945	Thôn 4	1,00	700.000
415	Phạm Năng Tình	10/6/1946	Thôn 4	1,00	700.000
416	Đỗ Danh Vân	05/9/1946	Thôn 4	1,00	700.000
417	Nguyễn Thị Dung	20/4/1948	Thôn 4	1,00	700.000
418	Đào Thị Nếp	02/3/1950	Thôn 4	1,00	700.000
419	Phạm Thị Nệm	01/02/1949	Thôn 4	1,00	700.000

420	Nguyễn Sĩ Tân	01/10/1945	Thôn 5	1,00	700.000
421	Đỗ Thị Vị	07/3/1949	Thôn 5	1,00	700.000
422	Phạm Năng Tằm	01/10/1945	Thôn 5	1,00	700.000
423	Nguyễn Sĩ Uộn	15/03/1948	Thôn 5	1,00	700.000
424	Nguyễn Thị Bót	26/6/1948	Thôn 5	1,00	700.000
425	Nguyễn Thị Y	07/8/1949	Thôn 5	1,00	700.000
426	Nguyễn Thị Nhiện	21/3/1947	Thôn 5	1,00	700.000
427	Ngô Thị Vinh	15/6/1949	Thôn 5	1,00	700.000
428	Vũ Thị Bảng	20/6/1947	Thôn 5	1,00	700.000
429	Phạm Thị Nhiến	16/3/1947	Thôn 5	1,00	700.000
430	Đào Thị Lý	08/3/1950	Thôn 5	1,00	700.000
431	Nguyễn Thị Thuấn	01/7/1950	Thôn 5	1,00	700.000
432	Phạm Đăng Lâm	01/5/1948	Thôn 5	1,00	700.000
433	Nguyễn Sỹ Dểnh	08/9/1948	Thôn 5	1,00	700.000
434	Nguyễn Thị Nở	12/6/1948	Thôn 5	1,00	700.000
435	Phạm Thị Lân	10/02/1947	Thôn 5	1,00	700.000
436	Nguyễn Thị Tuất	05/10/1945	Thôn 6	1,00	700.000
437	Hoàng Thế Cự	01/8/1946	Thôn 6	1,00	700.000
438	Nguyễn Thị Bết	20/02/1950	Thôn 6	1,00	700.000
439	Nguyễn Quốc Tuấn	24/8/1945	Thôn 6	1,00	700.000
440	Đào Quốc Đạt	12/01/1947	Thôn 6	1,00	700.000
441	Nguyễn Thị Sành	16/5/1947	Thôn 6	1,00	700.000
442	Đào Xuân Láp	25/02/1950	Thôn 6	1,00	700.000
443	Nguyễn Thị Mảnh	01/01/1946	Thôn 6	1,00	700.000
444	Đào Xuân Nhường	25/10/1948	Thôn 6	1,00	700.000
445	Đào Xuân Hai	15/6/1950	Thôn 6	1,00	700.000
446	Đỗ Thị Cậy	01/10/1945	Thôn 6	1,00	700.000
447	Nguyễn Thị Huyền	16/7/1948	Thôn 6	1,00	700.000
448	Vũ Thị Qùy	01/8/1945	Thôn 6	1,00	700.000
449	Nguyễn Sĩ Thời	18/6/1945	Thôn 7	1,00	700.000
450	Nguyễn Thị An	01/4/1949	Thôn 7	1,00	700.000
451	Nguyễn Thị Hưu	01/01/1948	Thôn 7	1,00	700.000
452	Nguyễn Thị Oanh	10/3/1950	Thôn 7	1,00	700.000
453	Nguyễn Thị Tàm	01/01/1947	Thôn 7	1,00	700.000
454	Nguyễn Sỹ Cử	26/7/1950	Thôn 7	1,00	700.000
455	Nguyễn Thị Thành	06/8/1945	Thôn 7	1,00	700.000
456	Nguyễn Thị Phưởng	08/3/1946	Thôn 7	1,00	700.000
457	Đào Văn Mơ	08/6/1949	Thôn 7	1,00	700.000
458	Cao Thị Mỳ	20/02/1948	Thôn 7	1,00	700.000
459	Đào Văn Vìn	01/01/1948	Thôn 7	1,00	700.000
460	Nguyễn Thị Quýt	06/3/1946	Thôn 7	1,00	700.000
461	Nguyễn Đình Đến	09/9/1949	Thôn 7	1,00	700.000
462	Nguyễn Thị Vền	27/2/1948	Thôn 7	1,00	700.000
463	Nguyễn Thị Đua	20/6/1948	Thôn 7	1,00	700.000
464	Nguyễn Thị Tới	10/9/1949	Thôn 7	1,00	700.000
465	Vũ Thị Phiến	01/01/1949	Thôn 7	1,00	700.000
466	Đào Thị Tý	27/4/1950	Thôn 8	1,00	700.000
467	Đỗ Danh Sợ	02/7/1950	Thôn 8	1,00	700.000
468	Nguyễn Thị Ân	02/02/1948	Thôn 8	1,00	700.000
469	Nguyễn Thị Đơ	24/4/1949	Thôn 8	1,00	700.000
470	Nguyễn Thị Thành	03/7/1946	Thôn 8	1,00	700.000
471	Nguyễn Thị Luyến	19/5/1947	Thôn 8	1,00	700.000
472	Đào Thị Ty	18/11/1947	Thôn 8	1,00	700.000
473	Đào Thị Duyên	05/6/1949	Thôn 8	1,00	700.000
474	Đỗ Thị Quy	07/5/1948	Thôn 8	1,00	700.000

475	Đỗ Thị Ưa	06/10/1948	Thôn 8	1,00	700.000
476	Hoàng Thị Ty	07/08/1945	Thôn 9	1,00	700.000
477	Đào Quang Lợi	01/05/1949	Thôn 9	1,00	700.000
478	Phạm Thị Mơ	27/01/1949	Thôn 9	1,00	700.000
479	Nguyễn Văn Sử	01/01/1948	Thôn 9	1,00	700.000
480	Đào Thị Ky	22/05/1950	Thôn 9	1,00	700.000
481	Phạm Thị Luyên	14/10/1949	Thôn 9	1,00	700.000
482	Đào Xuân Thám	06/3/1947	Thôn 9	1,00	700.000
483	Nguyễn Thị Đoanh	08/3/1950	Thôn 9	1,00	700.000
484	Phạm Thị Khuyên	01/01/1946	Thôn 9	1,00	700.000
485	Đỗ Thị Thắng	20/6/1946	Thôn 1 DL	1,00	700.000
486	Nguyễn Thị Nam	08/3/1949	Thôn 2 DL	1,00	700.000
487	Phạm Thị Hợi	02/01/1947	Thôn 2 DL	1,00	700.000
488	Nguyễn Thị Lính	01/01/1946	Thôn 2 DL	1,00	700.000
489	Nguyễn Văn Tứ	01/01/1948	Thôn 3 DL	1,00	700.000
490	Phạm Tiến Ruyên	03/8/1948	Thôn 3 DL	1,00	700.000
491	Phạm Thị Kỷ	09/6/1950	Thôn 3 DL	1,00	700.000
492	Nguyễn Duy Thầm	18/6/1948	Thôn 3 DL	1,00	700.000
493	Phạm Tiến Tung	01/5/1950	Thôn 3 DL	1,00	700.000
494	Nguyễn Đức Qũy	12/12/1948	Thôn 3 DL	1,00	700.000
495	Nguyễn Thị Nhấn	01/01/1947	Thôn 3 DL	1,00	700.000
496	Nguyễn Thị Tình	10/11/1948	Thôn 3 DL	1,00	700.000
497	Nguyễn Thị Dần	10/6/1950	Thôn 3 DL	1,00	700.000
498	Nguyễn Đức Thanh	10/10/1949	Thôn 3 DL	1,00	700.000
499	Nguyễn Thị Quy	05/02/1948	Thôn 3 DL	1,00	700.000
500	Nguyễn Thị Chăm	01/6/1947	Thôn 3 DL	1,00	700.000
501	Đào Thị Lan	10/10/1947	Thôn 3 DL	1,00	700.000
502	Phạm Tiến Khuy	12/5/1950	Thôn 3 DL	1,00	700.000
503	Phạm Hữu Roãn	06/10/1946	Thôn 3 DL	1,00	700.000
504	Tăng Thị Tâm	02/02/1949	Thôn 3 DL	1,00	700.000
505	Phạm Thị Đận	20/5/1950	Thôn 4 DL	1,00	700.000
506	Cao Văn Bàng	10/10/1949	Thôn 4 DL	1,00	700.000
507	Nguyễn Thị Nghĩa	05/6/1949	Thôn 4 DL	1,00	700.000
508	Nguyễn Thị Thân	14/4/1947	Thôn 4 DL	1,00	700.000
509	Nguyễn Thị Mây	16/8/1947	Thôn 4 DL	1,00	700.000
510	Đỗ Văn Tinh	24/02/1946	Thôn 4 DL	1,00	700.000
511	Phạm Duy Đỉnh	07/5/1948	Thôn 4 DL	1,00	700.000
512	Nguyễn Đình Lâm	20/4/1950	Thôn 4 DL	1,00	700.000
513	Linh Thị Thanh	06/02/1950	Thôn 4 DL	1,00	700.000
514	Tăng Xuân Cầu	20/5/1950	Thôn 4 DL	1,00	700.000
515	Nguyễn Thị Thuyết	16/04/1948	Thôn 4 DL	1,00	700.000
516	Nguyễn Thị Tuyết	12/11/1948	Thôn 4 DL	1,00	700.000
517	Tăng Thị Lê	14/10/1946	Thôn 4 DL	1,00	700.000
518	Phạm Thị Bót	06/3/1948	Thôn 4 DL	1,00	700.000
519	Nguyễn Thị Thắm	02/10/1949	Thôn 5DL	1,00	700.000
520	Đào Thị Sóng	15/4/1947	Thôn 5DL	1,00	700.000
521	Nguyễn Thị Thảo	14/5/1947	Thôn 5DL	1,00	700.000
522	Nguyễn Thị Lẻo	10/7/1949	Thôn 5DL	1,00	700.000
523	Phạm Văn Thái	15/10/1949	Thôn 5DL	1,00	700.000
524	Nguyễn Thị Chánh	01/10/1949	Thôn 5DL	1,00	700.000
525	Phạm Thị Mận	05/01/1947	Thôn 5DL	1,00	700.000
526	Nguyễn Thị Vân	01/01/1950	Thôn 5DL	1,00	700.000
527	Phạm Tiến Nhương	18/6/1948	Thôn 5DL	1,00	700.000
528	Hoàng Trung Thực	10/10/1948	Thôn 5DL	1,00	700.000
529	Hoàng Thị Chuyền	01/01/1950	Thôn 5DL	1,00	700.000

530	Đào Thị Trích	01/01/1950	Thôn 5DL	1,00	700.000
531	Tăng Xuân Phố	06/3/1949	Thôn 5DL	1,00	700.000
532	Nguyễn Thị Hải	25/02/1948	Thôn 5DL	1,00	700.000
533	Đỗ Văn Vịnh	01/10/1947	Thôn 5DL	1,00	700.000
534	Đỗ Văn Thuyết	14/02/1950	Thôn 5DL	1,00	700.000
535	Phạm Thị Phin	05/10/1946	Thôn 5DL	1,00	700.000
536	Nguyễn Văn Toan	21/7/1950	Xuân Chiếng	1,00	700.000
537	Nguyễn Tiến Hăng	06/7/1955	Xuân Đông	1,00	700.000
538	Kiều Hữu Kiến	08/3/1955	Xuân Đông	1,00	700.000
539	Nguyễn Thị Nhừ	01/01/1955	Xuân Đoài	1,00	700.000
540	Nguyễn Thị Bám	17/8/1950	Thôn 2	1,00	700.000
541	Đào Thị Thép	17/8/1950	Thôn 3	1,00	700.000
542	Nguyễn Thị Quy	14/8/1950	Thôn 5	1,00	700.000
543	Phạm Duy Tài	08/8/1950	Thôn 5 DL	1,00	700.000
544	Tăng Xuân Đỉnh	03/8/1950	Thôn 5 DL	1,00	700.000
545	Nguyễn Thị Len	01/9/1950	Thôn 6	1,00	700.000
546	Nguyễn Thế Rậc	10/8/1950	Mai Dương	1,00	700.000
547	Phạm Năng Nhân	02/9/1945	Thôn 3	1,00	700.000
548	Đỗ Thị Dử	10/10/1950	Thôn 7	1,00	700.000
549	Đào Thị Chiển	01/8/1950	Thôn 7	1,00	700.000
550	Phạm Thị Cấp	05/10/1950	Thôn 1 DL	1,00	700.000
551	Đào Thị Nhì	10/10/1950	Thôn 3 DL	1,00	700.000
552	Hoàng Ngọc Cận	10/10/1950	Thôn 5 DL	1,00	700.000
553	Nguyễn Thị Lượt	01/10/1950	Thôn 5 DL	1,00	700.000
554	Hoàng Thị Xoan	14/10/1950	Thôn 5 DL	1,00	700.000
555	Lương Văn My	02/10/1950	Xuân Đông	1,00	700.000
556	Nguyễn Thị Am	26/3/1950	Thôn 2 DL	1,00	700.000
557	Nguyễn Thị Hòe	04/9/1948	Xuân Đoài	1,00	700.000
558	Đào Xuân Gang	20/10/1950	Thôn 3	1,00	700.000
559	Hoàng Kim Sòong	20/10/1950	Thôn 2	1,00	700.000
560	Nguyễn Sĩ Sử	18/10/1950	Thôn 7	1,00	700.000
561	Vũ Hữu Ty	02/02/1946	Thôn 2	1,00	700.000
562	Phạm Thị Muội	28/10/1950	Thôn 5 DL	1,00	700.000
563	Phạm Đắc Ba	09/12/1950	Thôn 6	1,00	700.000
564	Phạm Thị Tòng	28/12/1950	Thôn 8	1,00	700.000
565	Nguyễn Xuân Hiền	20/01/1951	Nghi Dương	1,00	700.000
566	Hoàng Văn Phúc	19/01/1950	Nghi Dương	1,00	700.000
567	Hoàng Ngọc Ngoạn	08/6/1950	Thôn 5 DL	1,00	700.000
568	Đào Xuân Vũ	01/01/1949	Thôn 8	1,00	700.000
569	Nguyễn Thị Núi	24/4/1946	Xuân Đoài	1,00	700.000
570	Phạm Thị Phương	01/01/1951	Xuân Đoài	1,00	700.000
571	Nguyễn Thị Lưỡng	02/01/1951	Thôn 1	1,00	700.000
572	Nguyễn Thi Điều	01/01/1951	Xuân Chiếng	1,00	700.000
573	Đỗ Thị Tươi	01/01/1951	Thôn 7	1,00	700.000
574	Bùi Thị Đơ	23/6/1948	Xuân Chiếng	1,00	700.000
575	Nguyễn Thị Xít	06/2/1951	thôn 5 Du Lễ	1,00	700.000
576	Đào Thị Hiên	22/01/1951	Thôn 4 Du Lễ	1,00	700.000
577	Phạm Thị Vân	10/02/1951	Thôn 4 Du Lễ	1,00	700.000
578	Phạm Tiến Hăng	01/01/1951	Thôn 3 Du Lễ	1,00	700.000
579	Phạm Thị Tắp	01/01/1951	Thôn 1 Du Lễ	1,00	700.000
580	Nguyễn Sỹ Ngò	15/3/1951	Thôn 4	1,00	700.000
581	Nguyễn Thị Lịch	04/07/1951	thôn 5 Du Lễ	1,00	700.000
582	Đào Văn Phả	01/01/1951	Thôn 7	1,00	700.000
583	Phạm Năng Tơ	10/3/1951	thôn 5 Du Lễ	1,00	700.000
584	Nguyễn Thị Tở	14/02/1951	Thôn 8	1,00	700.000

585	Nguyễn Thị Ngôm	01/01/1949	Thôn 3	1,00	700.000
586	Cao Thị Tẽo	12/4/1951	thôn 4 Du Lễ	1,00	700.000
587	Nguyễn Thị Mến	10/4/1951	thôn 4 Du Lễ	1,00	700.000
588	Đào Thị Tứ	10/5/1951	thôn 7	1,00	700.000
589	Vũ Thị Luyến	05/5/1951	thôn 7	1,00	700.000
590	Nguyễn Thị Lý	10/5/1951	Thôn 6	1,00	700.000
591	Đào Văn Giang	04/5/1951	Thôn 8	1,00	700.000
592	Phạm Thị Miến	05/5/1946	Xuân Đông	1,00	700.000
593	Nguyễn Thị Chất	23/05/1951	Thôn 1 Du Lễ	1,00	700.000
594	Lê Thị Huệ	20/05/1951	Xuân Chiếng	1,00	700.000
595	Đỗ Thị Nhứ	30/5/1951	Thôn 8	1,00	700.000
596	Cao Thị Nhấm	10/5/1951	Thôn 5 Du Lễ	1,00	700.000
597	Nguyễn Thị Thà	01/01/1946	Thôn 1 Du Lễ	1,00	700.000
598	Hoàng Văn Cảnh	18/6/1951	Thôn 5 Du Lễ	1,00	700.000
599	Nguyễn Danh Thái	25/5/1951	Xuân Đoài	1,00	700.000
600	Nguyễn Duy Phấu	07/7/1951	Thôn Xuân Mai	1,00	700.000
601	Đinh Thị Tui	09/7/1951	Thôn Nghi Dương	1,00	700.000
602	Phạm Thị Quỳnh	06/7/1951	Thôn Tú Đôi 4	1,00	700.000
603	Hoàng Thị Thước	02/8/1951	Thôn Dũ Lễ 3	1,00	700.000
604	Nguyễn Văn Toàn	03/7/1951	Thôn Xuân Đông	1,00	700.000
605	Phạm Tiến Sách	12/8/1951	Thôn Dũ Lễ 2	1,00	700.000
606	Nguyễn Đình Chừng	12/8/1951	Thôn Xuân Đông	1,00	700.000
	Đối tượng từ đủ 70 đến dưới 75 tuổi thuộc hộ cận nghèo				**12.600.000**
1	Nguyễn Thị Lới	01/6/1955	Thôn 7	1,00	700.000
2	Nguyễn Thị Chúm	08/03/1954	Thôn 8	1,00	700.000
3	Đào Thị Sáu	09/10/1954	Thôn 8	1,00	700.000
4	Bùi Thị Đồi	01/10/1954	Thôn 5 DL	1,00	700.000
5	Phạm Thị Thanh	16/9/1955	Xuân Đoài	1,00	700.000
6	Phạm Thị Toán	01/01/1956	Xuân Đoài	1,00	700.000
7	Nguyễn Thị Song	01/01/1953	Xuân Đông	1,00	700.000
8	Đỗ Đại Vuông	25/4/1951	Thôn 1	1,00	700.000
9	Vũ Thị Thụy	20/12/1954	Thôn 2	1,00	700.000
10	Lê Thị Tá	20/4/1956	Mai Dương	1,00	700.000
11	Phạm Thị Nhính	13/4/1956	Xuân Đông	1,00	700.000
12	Phạm Thị Xuân	6/6/1956	Thôn 9	1,00	700.000
13	Nguyễn Thị Luyến	27/06/1951	Thôn 1	1,00	700.000
14	Vũ Thị Hiền	5/6/1955	Thôn Tú Đôi 2	1,00	700.000
15	Nguyễn Đăng Đo	20/5/1956	Thôn Nghi Dương	1,00	700.000
16	Bùi Thị Lơ	01/9/1956	Thôn Xuân Mai	1,00	700.000
17	Nguyễn Thị Thành	06/06/1953	Thôn Nghi Dương	1,00	700.000
18	Nguyễn Thị Vân	02/8/1956	Thôn Xuân Đông	1,00	700.000